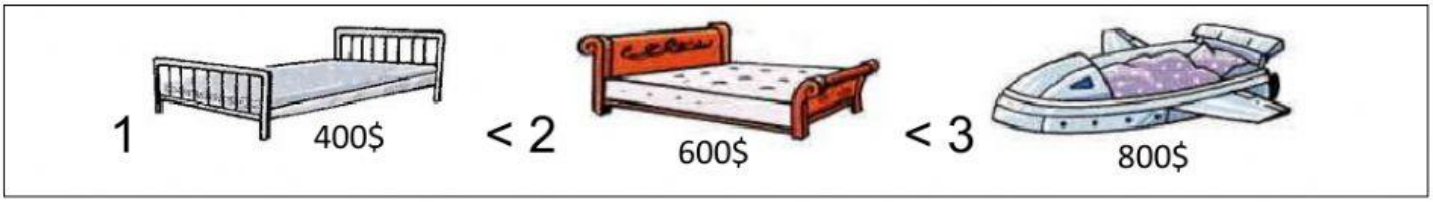
So sánh hơn và so sánh nhất của tính từ dài

Beautiful	**More** beautiful **than**	**The most** beautiful
Modern		
Expensive		
Beautiful	**Less** beautiful **than** (ít đẹp hơn)	**The least** beautiful (ít đẹp nhất)
Modern		
Generous		

So sánh 3 chiếc giường bằng từ 'expensive'.



Ví dụ: Bed 1 is…*less expensive than*… bed 2.

1. Bed 3 is..... bed 1.
2. Bed 2 is..... bed 3.
3. Bed 2 is..... bed 1.
4. Bed 1 is..... bed 2.
5. Bed 1 is.....*(so sánh nhất)*.
6. Bed 3 is.....*(so sánh nhất)*.

Good / bad: trường hợp đặc biệt

Good	Better than	The best
Bad	Worse than	The worst

Hoàn thành câu, dùng better than / the best / worse than / the worst

(tốt nhất) a  > b  > c  (tệ nhất)

Ví dụ: House a is…*better than*... house b.

1. House b is.....house a.
2. House a is.....house c.
3. House c is.....house b.
4. House a is.....house b.
5. House a is.....*(so sánh nhất)*.
6. House c is.....*(so sánh nhất)*.

LIVEWORKSHEETS